

Số: 3238/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016 – 2020: “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển”, mã số: KC.09/16-20**

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BKHCN ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Danh mục các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 589/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2016 về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016-2020: “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển”, mã số: KC.09/16-20;

Căn cứ các Quyết định số 2473/QĐ-BKHCN ngày 30/8/2018, Quyết định số 2478/QĐ-BKHCN ngày 30/8/2018 về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định

nhiệm vụ KH&CN năm 2019 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia, mã số KC.09/16-20;

Xét kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016 – 2020: “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển”, mã số: KC.09/16-20;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục 07 (bảy) nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016 – 2020: “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển”, mã số: KC.09/16-20, bắt đầu thực hiện từ năm 2019.

(Chi tiết trong Phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Giao Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước phối hợp với Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức Hội đồng tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng

**DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016 – 2020: “NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ QUẢN LÝ BIỂN, HẢI ĐẢO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN”, MÃ SỐ KC.09/16-20 BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 3228 /QĐ-BKHHCN ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển</b>				
1.	Cơ sở khoa học và giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn các huyện đảo ven bờ Việt Nam	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xác lập được cơ sở lý luận về đảm bảo an ninh, trật tự (ANTT) trên các huyện đảo ven bờ;</li> <li>Đánh giá được thực trạng tình hình ANTT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đảo ven bờ của Việt Nam;</li> <li>Dự báo được các kịch bản có thể xảy ra và đề xuất giải pháp bảo đảm ANTT trên địa bàn các huyện đảo ven bờ Việt Nam.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Cơ sở lý luận (bao gồm kinh nghiệm quốc tế và trong nước) về đảm bảo ANTT trên các huyện đảo ven bờ;</li> <li>Tổng quan thực trạng và vị trí chiến lược của các huyện đảo ven bờ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;</li> <li>Các yếu tố tác động tới đảm bảo ANTT các huyện đảo ven bờ;</li> <li>Những vấn đề đặt ra đối với việc đảm bảo ANTT các huyện đảo ven bờ;</li> <li>Các kịch bản xảy ra làm mất ANTT trên địa bàn các huyện đảo ven bờ;</li> <li>Hệ thống giải pháp đảm bảo ANTT (an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống) trên địa bàn các huyện đảo ven bờ trong mọi tình huống;</li> <li>Công bố các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế có uy tín;</li> <li>Đào tạo thạc sĩ và hỗ trợ đào tạo tiến sĩ.</li> </ol>	Tuyển chọn
2.	Luận cứ khoa học và giải pháp sử dụng	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xác lập được cơ sở khoa học</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Cơ sở lý luận, bao gồm bộ tiêu chí sử</li> </ol>	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	<p>hợp lý vùng ven biển phía Đông đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu</p>	<p>và thực tiễn cho sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH);</p> <p>2. Đề xuất được các giải pháp phù hợp sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh BĐKH;</p> <p>3. Xây dựng được mô hình khai thác, sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với BĐKH.</p>	<p>dùng hợp lý vùng ven biển phía Đông đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh BĐKH;</p> <p>2. Cơ sở thực tiễn phục vụ sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh BĐKH:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, các nguy cơ tai biến môi trường, văn hoá-xã hội khu vực nghiên cứu;</li> <li>• Thực trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, sinh kế cộng đồng vùng nghiên cứu;</li> </ul> <p>3. Giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh BĐKH và tác động của con người;</p> <p>4. Các mô hình khai thác, sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh BĐKH;</p> <p>5. Công bố các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế có uy tín;</p> <p>6. Đào tạo thạc sĩ và hỗ trợ đào tạo tiến sĩ.</p>	
3.	<p>Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học - công nghệ, quản lý để nâng cao năng lực và phát triển bền vững các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh</p>	<p>1. Xác lập được cơ sở lý luận về nâng cao năng lực và phát triển bền vững (PTBV) cảng biển;</p> <p>2. Đánh giá được thực trạng và dự báo yêu cầu nâng cao năng lực, PTBV các cụm cảng Hải</p>	<p>1. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về nâng cao năng lực và PTBV cảng biển;</p> <p>2. Bộ cơ sở dữ liệu cho các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh;</p> <p>3. Báo cáo đánh giá thực trạng và dự báo năng lực ứng dụng khoa học công nghệ,</p>	<p>Tuyển chọn</p>

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		Phòng và Quảng Ninh; 3. Đề xuất được các giải pháp khoa học - công nghệ tiên tiến phục vụ xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ môi trường các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh.	quản lý và bảo vệ môi trường các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh trong bối cảnh phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam; 4. Các giải pháp công nghệ tiên tiến phục vụ xây dựng và nâng cao năng lực, phát triển các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh; 5. Các mô hình quản lý, vận hành tiên tiến để nâng cao hiệu suất khai thác các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh; 6. Các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn và bảo vệ môi trường các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh theo định hướng PTBV; 7. Công bố các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế có uy tín; 8. Đào tạo thạc sĩ và hỗ trợ đào tạo tiến sĩ.	
4.	Cơ sở khoa học, định hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội bền vững các huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý.	1. Xác lập được cơ sở lý luận phát triển kinh tế - xã hội bền vững các huyện đảo ven bờ Việt Nam; 2. Đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế - xã hội theo các tiêu chí phát triển bền vững và dự báo xu thế phát triển các huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý; 3. Xác lập được mô hình định hướng và giải pháp phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với	1. Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế - xã hội bền vững gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng các huyện đảo ven bờ Việt Nam; 2. Bộ tiêu chí phát triển bền vững các huyện đảo ven bờ; 3. Thực trạng sử dụng tài nguyên thiên nhiên và phát triển kinh tế - xã hội các huyện đảo ven bờ theo các tiêu chí phát triển bền vững; 4. Dự báo xu thế phát triển các huyện đảo ven bờ trong bối cảnh khu vực và biến đổi khí hậu;	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		đảm bảo an ninh quốc phòng huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý.	5. Mô hình định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý; 6. Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý; 7. Cơ sở dữ liệu và bản đồ có tỷ lệ phù hợp liên quan các nội dung nghiên cứu huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý; 8. Công bố các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế có uy tín; 9. Đào tạo thạc sĩ và hỗ trợ đào tạo tiến sĩ.	
<b><i>Lĩnh vực Điều kiện tự nhiên, tai biến thiên nhiên biển và công nghệ khai thác biển</i></b>				
5.	Nghiên cứu đặc điểm kiến tạo và tác động của các hoạt động nhân sinh có khả năng làm thay đổi trường ứng suất kiến tạo liên quan với độ nguy hiểm động đất vùng biển từ Tuy Hòa tới Vũng Tàu	1. Xác định được đặc điểm địa chấn kiến tạo của vùng biển từ Tuy Hòa tới Vũng Tàu; 2. Đánh giá được tác động của hoạt động nhân sinh có khả năng làm thay đổi trường ứng suất kiến tạo của khu vực nghiên cứu; 3. Đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động của hoạt động nhân sinh làm thay đổi trường ứng suất kiến tạo khu vực nghiên cứu.	1. Đặc điểm địa chấn kiến tạo và cơ chế phát sinh động đất trong khu vực nghiên cứu; 2. Mức độ ảnh hưởng và tác động của hoạt động nhân sinh tới sự phân bố trường ứng suất kiến tạo trong khu vực nghiên cứu; 3. Giải pháp giảm thiểu tác động của hoạt động nhân sinh tới sự phân bố trường ứng suất kiến tạo; 4. Bộ bản đồ: nguồn phát sinh động đất; độ nguy hiểm động đất; địa chấn kiến tạo; phân bố ứng suất do tác động của hoạt động nhân sinh, tỷ lệ 1/250.000; 5. Các mặt cắt địa chất, địa vật lý và địa động lực, tỷ lệ 1/250.000 và lớn hơn;	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
			<p>6. Công bố các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế có uy tín;</p> <p>7. Đào tạo thạc sĩ và hỗ trợ đào tạo tiến sĩ.</p>	
6.	<p>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng năng lượng tái tạo xử lý nước biển, nước nhiễm mặn thành nước sinh hoạt phục vụ cư dân trên đảo và ven biển</p>	<p>1. Xây dựng được cơ sở khoa học và đề xuất được công nghệ tiên tiến và quy trình xử lý nước biển, nước nhiễm mặn có sử dụng năng lượng tái tạo;</p> <p>2. Xây dựng và áp dụng được hệ thống xử lý nước biển và nước nhiễm mặn có sử dụng năng lượng tái tạo công suất 01 m<sup>3</sup>/ngày đêm và 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p>	<p>1. Báo cáo về nghiên cứu cơ sở khoa học của hệ thống xử lý nước biển và nước nhiễm mặn tiên tiến;</p> <p>2. Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế của hệ thống xử lý;</p> <p>3. Quy trình công nghệ xử lý nước biển và nước nhiễm mặn có sử dụng năng lượng tái tạo phù hợp với 02 quy mô công suất;</p> <p>4. Hai hệ thống xử lý nước biển và nước nhiễm mặn có sử dụng năng lượng tái tạo tại hiện trường quy mô 1 m<sup>3</sup>/ngày đêm và 10m<sup>3</sup>/ngày đêm. Chất lượng nước đầu ra là nước ngọt đạt QCVN 02:2009/BYT;</p> <p>5. Bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tài liệu tuyên truyền, đào tạo, tập huấn;</p> <p>6. Bộ cơ sở dữ liệu của đề tài;</p> <p>7. Bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế modul (bao gồm các thông số vận hành, đặc tính kỹ thuật);</p> <p>8. Công bố các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế có uy tín;</p> <p>9. Đào tạo thạc sĩ và hỗ trợ đào tạo tiến sĩ.</p>	Tuyển chọn
7.	<p>Nghiên cứu xác định tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản rắn đáy biển sâu khu vực Tư Chính - Vũng Mây</p>	<p>1. Xác định được những tiền đề, dấu hiệu tìm kiếm các khoáng sản rắn đáy biển khu vực Tư Chính Vũng Mây (6°15 - 8°55 N,</p>	<p>1. Báo cáo tổng hợp về đặc điểm địa chất khu vực nghiên cứu;</p> <p>2. Báo cáo các tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản rắn đáy biển khu vực nghiên</p>	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		<p>109°00 – 111°45 E);</p> <p>2. Xác lập được cơ sở khoa học và điều kiện tồn tại khoáng sản rạn đáy biển sâu;</p> <p>3. Định hướng cho việc điều tra khoáng sản rạn đáy biển sâu vùng nghiên cứu.</p>	<p>cứ;</p> <p>3. Báo cáo đặc điểm sinh khoáng khoáng sản rạn và khoáng sản liên quan đến đáy biển khu vực nghiên cứu;</p> <p>4. Báo cáo khoanh định các khu vực có triển vọng khoáng sản khu vực nghiên cứu;</p> <p>5. Báo cáo định hướng công tác điều tra khoáng sản rạn đáy biển kèm theo phương pháp, quy trình điều tra phù hợp;</p> <p>6. Bộ bản đồ: cấu trúc địa chất; kiến tạo - địa động lực; địa chất; địa mạo; sinh khoáng; phân vùng triển vọng khoáng sản rạn khu vực nghiên cứu, tỷ lệ 1/250.000;</p> <p>7. Các mặt cắt địa chất, địa vật lý thể hiện các dấu hiệu về sự tồn tại của các khoáng sản rạn đáy biển khu vực nghiên cứu, tỷ lệ 1/200.000 và lớn hơn;</p> <p>8. Công bố các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế có uy tín;</p> <p>9. Đào tạo thạc sĩ và hỗ trợ đào tạo tiến sĩ.</p>	